

Số: 2005/BKHCN-TTKHCN

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2023

*V/v thực hiện các quy định về
thông tin, thống kê KH&CN*

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin KH&CN; Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN; Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thực hiện chế độ báo cáo thống kê KH&CN, những năm qua Bộ Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ KH&CN các cấp để phục vụ công tác quản lý và nghiên cứu. Mặc dù, hàng năm Bộ Khoa học và Công nghệ gửi Công văn đôn đốc thực hiện nhưng vẫn còn một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định về đăng ký, giao nộp, cung cấp, cập nhật thông tin về nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước và chưa thực hiện chế độ báo cáo thống kê KH&CN theo quy định (*Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn này*). Để nâng cao hiệu quả quản lý KH&CN nói chung, nhiệm vụ KH&CN nói riêng, Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng đề nghị Quý cơ quan chỉ đạo đơn vị chức năng trực thuộc thực hiện nghiêm túc các quy định sau đây:

1. Cung cấp, cập nhật thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Cung cấp danh mục nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt

Hiện nay, tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia (trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp tài khoản để khai thác và cập nhật thông tin nhiệm vụ KH&CN vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về KH&CN. Để phục vụ công tác tra cứu tránh trùng lặp trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đề nghị Quý cơ quan cung cấp danh mục nhiệm vụ KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý đã được phê duyệt của năm 2022 và năm 2023 theo biểu mẫu tại *Phụ lục 2* kèm theo Công văn này.

b) Đăng ký và giao nộp báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Đề nghị rà soát danh mục nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt hàng năm và đôn đốc, yêu cầu các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện trách nhiệm đăng ký, giao nộp đầy đủ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN; đồng thời cập nhật và gửi thông tin về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định.

c) Nộp báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Thông tin về các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sau khi nghiệm thu chính thức đã được đưa vào ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội là thước đo hiệu quả đầu tư của Nhà nước dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đề nghị Quý cơ quan chỉ đạo, yêu cầu các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN thực hiện báo cáo ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN theo biểu mẫu tại *Phụ lục 3* kèm theo Công văn này, gửi về Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định.

2. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành khoa học và công nghệ

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Thông tư số 15/2018/TT- BKHCN, các tỉnh Gia Lai, Hà Nam, Lâm Đồng chưa thực hiện chế độ báo cáo thống kê KH&CN, riêng tỉnh Vĩnh Phúc không thực hiện từ năm 2019. Việc này dẫn đến khó khăn trong công tác quản lý cũng như việc tổng hợp số liệu báo cáo thống kê ngành KH&CN để phục vụ báo cáo thống kê cấp quốc gia theo quy định của Luật Thống kê. Đề nghị Quý cơ quan chỉ đạo đơn vị được giao nhiệm vụ thống kê KH&CN thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê ngành KH&CN theo quy định.

Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan. Mọi thông tin, báo cáo xin gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia, số 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội; số điện thoại (024) 38257039, (024) 39349126; email: quanly@vista.gov.vn) **trước ngày 15/7/2023.**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Lưu: VT, TTKHCN

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Xuân Định

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY ĐỊNH THU THẬP THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ
KH&CN NĂM 2022 VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ NGÀNH KH&CN
NĂM 2023**

(Kèm theo Công văn số 2005/BKHCN-TTKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Đơn vị	Thu thập thông tin về nhiệm vụ KH&CN					Thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành KH&CN
		Đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (dạng quyền)		Cập nhật thông tin vào CSDL quốc gia về KH&CN			
		Đăng ký, giao nộp nhiệm vụ Cấp Quốc gia	Giao nộp nhiệm vụ Cấp Tỉnh	Nhiệm vụ đang tiến hành	Kết quả thực hiện nhiệm vụ	Ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Tp. Cần Thơ	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
2.	Tp. Đà Nẵng	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
3.	Tp. Hải Phòng	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
4.	Tp. Hà Nội	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
5.	Tp. Hồ Chí Minh	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
6.	An Giang	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
7.	Bà Rịa - Vũng Tàu	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
8.	Bắc Giang	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
9.	Bắc Kạn	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
10.	Bạc Liêu	(-)	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện

11.	Bắc Ninh	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
12.	Bến Tre	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
13.	Bình Định	(-)	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
14.	Bình Dương	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
15.	Bình Phước	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
16.	Bình Thuận	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
17.	Cà Mau	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
18.	Cao Bằng	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
19.	Đắk Lắk	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
20.	Đắk Nông	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
21.	Điện Biên	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
22.	Đồng Nai	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
23.	Đồng Tháp	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
24.	Gia Lai	(-)	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện
25.	Hà Giang	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
26.	Hà Nam	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện
27.	Hà Tĩnh	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
28.	Hải Dương	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện

29.	Hậu Giang	(-)	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
30.	Hòa Bình	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
31.	Hưng Yên	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
32.	Khánh Hòa	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
33.	Kiên Giang	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
34.	Kon Tum	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện		Đã thực hiện
35.	Lai Châu	(-)	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
36.	Lâm Đồng	(-)	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện
37.	Lạng Sơn	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
38.	Lào Cai	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
39.	Long An	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
40.	Nam Định	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
41.	Nghệ An	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
42.	Ninh Bình	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
43.	Ninh Thuận	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
44.	Phú Thọ	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
45.	Phú Yên	(-)	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
46.	Quảng	(-)	Đã thực	Đã thực	Đã thực	Đã thực	Đã thực

	Bình		hiện	hiện	hiện	hiện	hiện
47.	Quảng Nam	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
48.	Quảng Ngãi	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
49.	Quảng Ninh	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
50.	Quảng Trị	(-)	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
51.	Sóc Trăng	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
52.	Sơn La	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
53.	Tây Ninh	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
54.	Thái Bình	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
55.	Thái Nguyên	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
56.	Thanh Hóa	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
57.	Thừa Thiên Huế	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
58.	Tiền Giang	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
59.	Trà Vinh	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
60.	Tuyên Quang	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện
61.	Vĩnh Long	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện
62.	Vĩnh Phúc	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện
63.	Yên Bái	(-)	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Đã thực hiện	Chưa thực hiện	Đã thực hiện

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG
CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****BIỂU MẪU CUNG CẤP DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ ĐANG TIẾN HÀNH**

(Kèm theo Công văn số 2005/BKHCN-TTKHCN ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên nhiệm vụ	Cấp quản lý	Mục tiêu	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
I	DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT NĂM 2022				
1					
2					
3					
...					
II	DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT NĂM 2023				
1					
2					
3					
...					

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỦA
CƠ QUAN ĐĂNG KÝ⁽¹⁾

TÊN TỔ CHỨC BÁO CÁO KẾT
QUẢ ỨNG DỤNG NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ⁽²⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

PHIẾU THÔNG TIN

VỀ ỨNG DỤNG KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG

(Áp dụng cho tất cả loại hình nhiệm vụ khoa học và công nghệ)

1.1. Tên nhiệm vụ:

1.2. Cấp quản lý nhiệm vụ: ☐ Quốc gia ☐ Bộ ☐ Tỉnh ☐ Cơ sở

1.3. Loại hình nhiệm vụ (đánh dấu vào mục phù hợp):

☐ Đề tài khoa học và công nghệ ☐ Đề án khoa học
☐ Dự án SXTN ☐ Dự án khoa học và công nghệ

1.4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ/Tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả:

.....

1.5. Họ và tên chủ nhiệm nhiệm vụ:

1.6. Ngày được nghiệm thu, đánh giá chính thức: ngày ... tháng ... năm.

1.7. Giấy đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ số:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

1.8. Bộ/Ngành/UBND tỉnh chủ quản của tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

1.9. Mô tả nội dung ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

(Mô tả ngắn gọn những ứng dụng của kết quả của nhiệm vụ: đã ứng dụng như thế nào; ứng dụng vào lĩnh vực, hoạt động gì; có chuyển giao công nghệ không)

.....
.....
1.10. Nêu hiệu quả kinh tế (nếu có), tác động kinh tế-xã hội, môi trường, ý nghĩa khoa học, v.v.. mà những ứng dụng kết quả nhiệm vụ mang lại (nếu có):
.....
.....
.....

II. PHẦN THÔNG TIN THEO LOẠI HÌNH NHIỆM VỤ

(Lựa chọn nội dung của phần thứ hai tùy theo loại hình nhiệm vụ tại mục 1.3)

• Áp dụng đối với Đề tài khoa học và công nghệ

2.1. Kết quả của đề tài được ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nào?:

(đánh dấu chọn lĩnh vực phù hợp)

- | | |
|---|---|
| ☐ Khoa học tự nhiên | ☐ Khoa học công nghệ và kỹ thuật |
| ☐ Khoa học nông nghiệp | ☐ Khoa học y-dược |
| ☐ Khoa học xã hội | ☐ Khoa học nhân văn |

2.2. Kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có được sử dụng để giải quyết vấn đề thực tế, là cơ sở để đề xuất những nội dung nghiên cứu hoặc những vấn đề mới?:

- | | |
|---|--|
| ☐ Cơ sở để xây dựng Dự án SXTN | ☐ Phát triển công nghệ mới |
| ☐ Cơ sở để hình thành Đề án KH | ☐ Được ứng dụng giải quyết vấn đề thực tế |

☐ Hình thức khác:

2.3. Số lượng công bố khoa học, văn bằng sở hữu công nghiệp có nguồn gốc từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

2.3.1. Số lượng công bố trong nước:

2.3.2. Số lượng công bố quốc tế:

2.4. Từ ứng dụng kết quả của đề tài, có hình thành yêu cầu bảo hộ sở hữu công nghiệp không? (đơn yêu cầu bảo hộ; bằng bảo hộ được cấp,...):
.....
.....

2.5. Việc ứng dụng kết quả của đề tài khoa học và công nghệ có góp phần vào đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ không? (cho biết số Tiến sỹ, Thạc sỹ sử dụng kết quả của đề tài cho nội dung luận án, luận văn của mình, nếu có):
.....
.....

• Áp dụng đối với Đề án khoa học

2.1. Kết quả của đề án được ứng dụng trong lĩnh vực khoa học và công nghệ nào?

(đánh dấu chọn lĩnh vực phù hợp):

- | | |
|---|---|
| ☐ Khoa học tự nhiên | ☐ Khoa học công nghệ và kỹ thuật |
| ☐ Khoa học nông nghiệp | ☐ Khoa học y-dược |
| ☐ Khoa học xã hội | ☐ Khoa học nhân văn |

2.2. Kết quả của đề án khoa học được sử dụng để hình thành cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật nào? (có thể nêu cụ thể những quyết định, văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng, ban hành dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn do đề án nghiên cứu được):

• **Áp dụng đối với Dự án sản xuất thử nghiệm**

2.1. Địa chỉ/Cơ sở mà kết quả của Dự án được áp dụng vào thực tế hoặc nhân rộng áp dụng (có áp dụng thêm hoặc chuyển giao mô hình, giải pháp cho địa phương/đơn vị/cơ sở khác không? ,....):

.....

2.2. Hiệu quả của việc áp dụng, nhân rộng mô hình, giải pháp:

.....

2.3. Hình thức nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án:

.....

• **Áp dụng đối với Dự án khoa học và công nghệ**

2.1. Quy mô hoặc sự phát triển của sản phẩm, quy trình công nghệ dựa từ kết quả của Dự án khoa học và công nghệ:

.....

2.2. Hiệu quả kinh tế của Dự án:

.....

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC BÁO CÁO KẾT QUẢ
 (Thủ trưởng ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)